

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(Bachelor program specification)
NGÀNH SỬ PHẠM LỊCH SỬ**

(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐHĐT, ngày / /2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

Đồng Tháp, tháng 08/ 2021

MỤC LỤC

Trang

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
1. Thông tin về đơn vị đào tạo và đơn vị cấp bằng	5
2. Một số thông tin về chương trình đào tạo	5
3. Mục tiêu đào tạo	5
4. Thông tin tuyển sinh	5
5. Điều kiện nhập học	6
6. Điều kiện tốt nghiệp	6
7. Thời điểm phát hành/chỉnh sửa bản mô tả: ngày tháng năm 2021	6
8. Nơi phát hành: Trường Đại học Đồng Tháp	6
PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	7
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	8
1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 140, trong đó:	8
2. Khung chương trình đào tạo chi tiết	8
3. Ma trận các học phần hình thành năng lực	156
4. Hình thức đào tạo và phương pháp giảng dạy	25
5. Cách thức đánh giá kết quả học tập	25
6. Điều kiện thực hiện chương trình	27
6.1. Đề cương chi tiết học phần	27
6.1.1. Nhập môn nghề nghiệp	27
6.1.2. Nhập môn sử học và Phương pháp luận sử học	Error!
Bookmark not defined.2	
6.1.3. Sử liệu và Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử	40
6.1.4. Lịch sử văn minh thế giới	44
6.1.5. Khảo cổ học	51
6.1.6. Nhân học đại cương	55
6.1.7. Lịch sử thế giới cổ trung đại	61
6.1.8. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	67
6.1.9. Lịch sử thế giới cận đại	72

6.1.10. Lịch sử Việt Nam cận đại	77
6.1.11. Lịch sử thế giới hiện đại	85
6.1.12. Lịch sử Việt Nam hiện đại	89
6.1.13. Lý luận dạy học môn lịch sử THPT	93
6.1.14. Một số vấn đề lịch sử, văn hóa Đông Nam Á	102
6.1.15. Thiết kế bài học và đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử ở trường THPT	108
6.1.16. Lịch sử xác lập chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam	116
6.1.17. Chủ nghĩa tư bản hiện đại	123
6.1.18. Ứng dụng CNTT trong dạy học Lịch sử	126
6.1.19. Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam	131
6.1.20. Lịch sử quan hệ quốc tế từ 1918 đến nay	139
6.1.21. Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam	143
6.1.22. Dạy học lịch sử theo định hướng phát triển năng lực học sinh	149
6.1.23. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Việt Nam	156
6.1.24. Tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	160
6.1.25. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	167
6.1.26. Một số vấn đề về chủ nghĩa xã hội từ 1917 đến nay	171
6.1.27. Một số vấn đề về chế độ phong kiến Việt Nam	174
6.1.28. Lịch sử quan hệ Việt Nam – Trung Quốc	180
6.1.29. Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam	184
6.1.30. Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học	188
6.1.31. Thực tế chuyên môn 1	196
6.1.32. Thực tế chuyên môn 2	200
6.1.33. Rèn luyện NVSPTX 1	204
6.1.34. Rèn luyện NVSPTX 2	214
6.1.35. Rèn luyện NVSPTX 3	230
6.1.36. Kiến tập sư phạm	238
6.1.37. Thực tập tốt nghiệp	

6.1.38. Khóa luận tốt nghiệp	250
6.1.39. Toàn cầu hóa, khu vực hóa và sự hội nhập của Việt Nam	255
6.1.40. Làng xã Việt Nam - truyền thống và hiện đại	259
6.1.41. Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam trước năm 1858	264
6.2. Đội ngũ giảng viên	268
6.3. Cơ sở vật chất phục vụ dạy học	268
7. Hướng dẫn thực hiện và tổ chức chương trình đào tạo	268
PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH	269

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về đơn vị đào tạo và đơn vị cấp bằng

- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đồng Tháp
- Đơn vị đào tạo: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội

2. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành: Sư phạm Lịch sử

Tiếng Việt: Sư phạm Lịch sử

Tiếng Anh: History Teacher Education

- Mã số ngành đào tạo: 52140218
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân Sư phạm Lịch sử
- Thông tin về kiểm định chất lượng:

3. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

Đào tạo người học nắm vững kiến thức chuyên môn và có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo;

Đào tạo người học có khả năng giảng dạy lịch sử ở trường trung học phổ thông; các trường đại học, cao đẳng; chuyên viên ở các viện, cơ quan nghiên cứu; làm việc ở các cơ quan ban ngành, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội.

4. Thông tin tuyển sinh

4.1. Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học; người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GDĐT;

Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chỉ được dự tuyển khi được cấp có thẩm quyền cho phép đi học; Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

4.2. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

4.3. Phương thức tuyển sinh:

Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia

Xét tuyển theo kết quả học bạ lớp 12 THPT

Xét tuyển kết hợp thi tuyển

Xét tuyển thẳng các ngành sư phạm

5. Điều kiện nhập học

Người học nộp các giấy tờ, hồ sơ theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đảm bảo chất lượng tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định công nhận người học là sinh viên chính thức của trường.

Điều kiện tốt nghiệp

Người học được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức độ đình chỉ học tập;

Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo;

Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên;

Có giấy chứng nhận Giáo dục quốc phòng - An ninh và giấy chứng nhận Giáo dục thể chất;

Có chứng chỉ Ngoại ngữ và chứng chỉ Tin học theo quy định của Nhà trường;

Phải tham gia ít nhất 8 ngày công tác xã hội;

Trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế của khóa học, sinh viên phải làm đơn gửi Phòng đào tạo để đề nghị được xét tốt nghiệp;

Hằng năm, Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp vào tháng 2, tháng 6, tháng 8 và tháng 11. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào các quy định về điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách trình Hội đồng xét tốt nghiệp và đề nghị Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Lễ tốt nghiệp được tổ chức vào tháng 7 và tháng 1.

7. Thời điểm phát hành/chỉnh sửa bản mô tả: ngày tháng năm 2021

Nơi phát hành: Trường Đại học Đồng Tháp

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHUẨN ĐẦU RA	Đánh giá mức độ năng lực
Kiến thức	
1.1. Vận dụng các kiến thức về khoa học chính trị, quốc phòng – an ninh vào dạy học môn lịch sử ở trường THPT.	3
1.2. Vận dụng các kiến thức về ngoại ngữ, tin học, khoa học giáo dục, khoa học tâm lý phục vụ dạy học lịch sử ở trường THPT.	3
1.3. Đánh giá được hệ thống kiến thức về lý luận sử học, sử liệu học và phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử trong dạy học lịch sử ở trường THPT.	5
1.4. Đánh giá được kiến thức khoa học lịch sử phục vụ dạy học ở trường THPT.	5
1.5. Giải quyết nhiệm vụ dạy học môn lịch sử ở trường THPT trên cơ sở các kiến thức về lý luận và phương pháp dạy học lịch sử.	6
Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức	
2.1. Thành thạo trong khai thác tư liệu lịch sử, đồ dùng trực quan để phục vụ dạy học môn lịch sử ở trường THPT.	4
2.2. Thành thạo trong ứng dụng ngoại ngữ và tin học phục vụ dạy học và công tác.	4
2.3. Thể hiện được lòng yêu nước, yêu CNXH, tin tưởng sự lãnh đạo của Đảng, ý thức chấp hành pháp luật.	5
2.4. Thực hành tốt quy định về đạo đức nhà giáo.	5
Mức tự chủ và trách nhiệm	
3.1. Làm chủ kế hoạch tự học, tự nghiên cứu, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.	4
3.2. Tính cách hóa sự tự chủ, độc lập trong tư duy và tự chịu trách nhiệm với các quan điểm cá nhân của mình trong chuyên môn, công việc và cuộc sống.	5
3.3. Tổ chức, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy.	4

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 140, trong đó:

Khởi kiến thức đại cương: 37 Bắt buộc: 32 TC

Tự chọn: 5 TC

Khởi kiến thức chuyên nghiệp:

Cơ sở nhóm ngành: 10 TC

Cơ sở ngành: 11 Bắt buộc: 9 TC

Tự chọn: 2 TC

Chuyên ngành: 56 Bắt buộc: 50 TC

Tự chọn: 6 TC

Kiến thức bổ trợ: 4 TC

Thực hành, thực tập nghề nghiệp: 16 TC

Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế: 6 TC

2. Khung chương trình đào tạo chi tiết

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ		HP điều kiện			Tiến độ
				Lý thuyết	Thực hành	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			37						
I. Ngoại ngữ			5						
1	GE4410	Tiếng Anh 1	3	45	0				1
2	GE4411	Tiếng Anh 2	2	30	0		GE4410		2
II. Giáo dục quốc phòng			11						
3	GE4165	Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0				1
4	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh	2	30	0		GE4165		2
5	GE4166	Quân sự chung	2	14	16		GE4165		3

6	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4	4	56		GE4165		4
III. Giáo dục thể chất			3						
1. Học phần bắt buộc			2						
7	GE4306	Giáo dục thể chất 1	1	0	30				1
8	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	1	0	30				2
2. Học phần tự chọn (chọn ít nhất 2TC)			1						
9	GE4321	Bóng đá	1	0	30		GE4306		3
10	GE4322	Bóng chuyền	1	0	30		GE4306		3
11	GE4323	Cầu long	1	0	30		GE4306		3
12	GE4325	Võ thuật Vovinam	1	0	30		GE4306		3
13	GE4326	Võ thuật Karatedo	1	0	30		GE4306		3
14	GE4327	Cờ vua	1	0	30		GE4306		3
15	GE4328	Bóng bàn	1	0	30		GE4306		3
16	GE4329	Bóng ném	1	0	30		GE4306		3
17	GE4330	Bóng rổ	1	0	30		GE4306		3
18	GE4333	Quần vợt	1	0	30		GE4306		3
IV. Đại cương chung			18						
4.1 Đại cương chung bắt buộc			14						
19	GE4091	Triết học Mác – Lênin	3	45	0				1
20	HI4500	Nhập môn nghề nghiệp	1	15	0				1
21	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	0				1
22	GE4092	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30	0		GE4091		2
23	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0			PO4093	3

24	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		GE4092		3
25	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0		GE4093		4
4.2 Đại cương chung tự chọn			4						
26	GE4049	Tiếng việt thực hành	2	30	0				2
27	GE4231	Địa lý đại cương	2	30	0				2
28	GE4407	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	2	30	0				3
29	GE4112	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	30	0				3
B. Khối kiến thức chuyên nghiệp			103						
I.	Kiến thức cơ sở nhóm ngành		10						
30	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30	0				1
31	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	30	0				1
32	GE4075	Giáo dục học trung học	2	30	0		GE4017		2
33	GE4078	Tâm lý học trung học	2	30	0		GE4045		2
34	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2	30	0				6
II.	Kiến thức cơ sở ngành		11						
2.1	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc		9						
35	HI4217	Nhập môn sử học và Phương pháp luận sử học	3	45	0				1
36	HI4218	Sử liệu và Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử	3	45	0				3
37	HI4005 N	Lịch sử văn minh thế giới	3	45	0				3
2.2	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn		2						

38	HI4237	Khảo cổ học	2	30	0				4
39	HI4011	Nhân học đại cương	2	30	0				4
III.	Kiến thức chuyên ngành		62						
3.1	Bắt buộc		50						
40	HI4238	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	60	0				2
41	HI4239	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	4	60	0				3
42	HI4124	Lịch sử thế giới cận đại	3	45	0		HI4238		4
43	HI4125	Lịch sử Việt Nam cận đại	3	45	0		HI4239		4
44	HI4109N	Lịch sử thế giới hiện đại	3	45	0		HI4142		5
45	HI4112	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	60	0		HI4125		5
46	HI4114	Lý luận dạy học môn lịch sử THPT	3	45	0				5
47	HI4228N	Một số vấn đề lịch sử, văn hóa Đông Nam Á	3	45	0				5
48	HI4147	Thiết kế bài học và đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử ở trường THPT	3	45	0		HI4114		6
49	HI4149	Lịch sử xác lập chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam	2	30	0				6

50	HI4202	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	2	30	0				6
51	HI4233	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử	2	15	30				7
52	HI4230N	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam	3	45	0				7
53	HI4138N	Lịch sử quan hệ quốc tế từ 1918 đến nay	3	45	0				7
54	HI4241	Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam	3	45	0				7
55	HI4232	Dạy học lịch sử theo định hướng phát triển năng lực học sinh	2	30	0				7
56	HI4234N	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Việt Nam	3	45	0				7
3.2 Tự chọn			6						
60	HI4235	Tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	2	30	0				5
61	HI4229	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	2	30	0				5
62	HI4242	Một số vấn đề về chủ nghĩa xã hội từ 1917 đến nay	2	30	0				6
63	HI4210	Một số vấn đề về chế độ phong kiến Việt Nam	2	30	0				6

64	HI4106	Lịch sử quan hệ Việt Nam – Trung Quốc	2	30	0				6
65	HI4002	Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam	2	30	0				6
IV. Kiến thức bổ trợ			4						
66	HI4243	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học	2	15	30				5
67	HI4410N	Thực tế chuyên môn 1	1	0	15				5
68	HI4411	Thực tế chuyên môn 2	1	0	15				7
V. Thực hành, thực tập nghề nghiệp			16						
69	HI4403N	Rèn luyện NVSPTX 1	2	0	60				2
70	HI4404N	Rèn luyện NVSPTX 2	2	0	60				4
71	HI4405N	Rèn luyện NVSPTX 3	2	0	60				6
72	HI4430	Kiến tập sư phạm	2	0	60				5
73	HI4409	Thực tập tốt nghiệp	8	0	240				8
VI. Khóa luận tốt nghiệp / Học phần thay thế			6						
1	HI4297	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	180				8
1. Khóa luận tốt nghiệp			6						

1	HI4154	Toàn cầu hóa, khu vực hóa và sự hội nhập của Việt Nam	2	30	0				8
2	HI4155	Làng xã Việt Nam - truyền thống và hiện đại	2	30	0				8
3	HI4240	Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam trước năm 1858	2	30	0				8
Tổng số tín chỉ tích lũy			140						

Ma trận các học phần hình thành năng lực gồm: kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, mức độ tự chủ và trách nhiệm theo chuẩn đầu ra của CTĐT

Số TT	Tên học phần	Chuẩn Đầu Ra											
		Kiến thức					Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức				Mức tự chủ và trách nhiệm		
		KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	PC 1	PC 2	TC 1	TC2	TC3
A. Khối kiến thức đại cương													
I. Ngoại ngữ													
1	Tiếng Anh 1												
2	Tiếng Anh 2												
II. Giáo dục quốc phòng													
1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam												
2	Công tác quốc phòng, an ninh												
3	Quân sự chung												
4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật												

III. Giáo dục thể chất												
1. Học phần bắt buộc												
1	Giáo dục thể chất 1 (Boi lội)											
2. Học phần tự chọn (chọn ít nhất 2TC)												
1	Bóng đá											
2	Bóng chuyền											
3	Cầu long											
4	Khiêu vũ thể thao											
5	Võ thuật Vovinam											
6	Võ thuật Karatedo											
7	Cờ vua											
8	Bóng bàn											
9	Bóng ném											
10	Bóng rổ											
11	Điền kinh											
12	Tennis											
IV. Đại cương chung												

4.1. Đại cương chung bắt buộc													
1	Triết học Mác - Lênin												
2	Nhập môn nghề nghiệp					2		3	4	4	2		
3	Pháp luật Việt Nam đại cương												
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin												
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh												
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học												
7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam												
4.2. Đại cương chung tự chọn													
1	Tiếng việt thực hành												
2	Địa lý đại cương												
3	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm												
4	Nhập môn khoa học giao tiếp												
B. Khối kiến thức chuyên nghiệp													
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành													

1	Tâm lý học đại cương												
2	Giáo dục học đại cương												
3	Giáo dục học trung học												
4	Tâm lý học trung học												
5	Quản lý HCNN và QL ngành GD												
II. Cơ sở ngành													
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc													
1	Nhập môn sử học và Phương pháp luận sử học			4			3		5		3		
2	Sử liệu và Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử			2			2		2		2		
3	Lịch sử văn minh thế giới				3		3		3		3		
2.2. Kiến thức tự chọn													
1	Khảo cổ học			4			4				4		
2	Nhân học đại cương			3			3		3		3		
III. Kiến thức chuyên ngành													
3.1. Bắt buộc													

1	Lịch sử thế giới cổ trung đại				3		2		2		2		
2	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại				5		4		5		4		
3	Lịch sử thế giới cận đại				4		4				4		4
4	Lịch sử Việt Nam cận đại				5		4		5		4		
5	Lịch sử thế giới hiện đại				4		4				4		
6	Lịch sử Việt Nam hiện đại				5		4		5		4		
7	Lý luận dạy học môn lịch sử THPT					3	4		4		4		
8	Một số vấn đề lịch sử, văn hóa Đông Nam Á				5		4		5		4		
9	Thiết kế bài học và đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử ở trường THPT					6	4	4					4
10	Lịch sử xác lập chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam				5		4		5		4		
11	Chủ nghĩa tư bản hiện đại				5			4			4	5	
12	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử		3					4		5	4		

13	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam				5		4		5		4	5	
14	Lịch sử quan hệ quốc tế từ 1918 đến nay				5		4		5		4		
15	Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam				5		4		5		4	5	
16	Dạy học lịch sử theo định hướng phát triển năng lực học sinh					6	4	4	4		4		
17	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Việt Nam				5		4		5		4		
3.2 Tự chọn													
1	Tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam				5		4		5		4		
2	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam				5		4		5		4		
3	Một số vấn đề về chủ nghĩa xã hội từ 1917 đến nay				5			4	5		4	5	
4	Một số vấn đề về chế độ phong kiến Việt Nam				5		4		5		4		
5	Lịch sử quan hệ Việt Nam – Trung Quốc				5		4		5		4		

6	Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam				5		4		5		4		
IV. Kiến thức bổ trợ													
1	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học		3					4		4			
2	Thực tế chuyên môn 1				5		4		5		4		
3	Thực tế chuyên môn 2				5		4		5		4		
V. Thực hành, thực tập nghề nghiệp													
1	Rèn luyện NVSPTX 1		2							5	2		4
2	Rèn luyện NVSPTX 2					4	4	4			4		4
3	Rèn luyện NVSPTX 3		3			6	4	4		5	4		
4	Kiến tập sư phạm			5						5	4		
5	Thực tập tốt nghiệp		3			6		4		5	4		
VI. Khóa luận tốt nghiệp / Học phần thay thế													
1. Khóa luận tốt nghiệp													
1	Khóa luận tốt nghiệp												
2. Học phần thay thế khóa luận													

1	Toàn cầu hóa, khu vực hóa và sự hội nhập của Việt Nam				5		4		5		4		
2	Làng xã Việt Nam - truyền thống và hiện đại				5		4		5		4		
3	Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam trước năm 1858				5		4		5		4		

4. Hình thức đào tạo và phương pháp giảng dạy

4.1. Hình thức đào tạo: Chính quy

4.2. Phương pháp giảng dạy

Kết hợp đa dạng các phương pháp giảng dạy và học tập, phù hợp với nội dung học phần và hướng đến sự cập nhật và hiện đại.

Tích cực hóa người học, phát huy tính năng động, sáng tạo, tăng cường việc tự học, tự nghiên cứu những nội dung mở rộng trong học phần dưới sự định hướng của GV. Trong quá trình dạy và học, áp dụng những phương pháp theo hướng phát triển toàn diện năng lực, lấy người học là trung tâm.

Tích cực hóa và nâng cao hiệu quả các buổi thảo luận thực hành, rèn luyện.

Phát triển kỹ năng nghề nghiệp theo hướng phát triển kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

5. Cách thức đánh giá kết quả học tập

- Cách thức đánh giá được thực hiện theo Quyết định số 2293/QĐ-ĐHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Đồng Tháp, trong đó:

+ Điểm đánh giá thường xuyên (có trọng số từ 30% - 50%) và điểm thi kết thúc học phần (có trọng số từ 50% - 70%) được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm học phần là tổng điểm đánh giá thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng.

+ Điểm học phần sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân được chuyển thành điểm chữ như sau:

Loại đạt:	A	(8.50 – 10)	Giỏi
	B	(7.00 – 8.40)	Khá
	C	(5.50 – 6.90)	Trung bình
	D	(4.00 – 5.40)	Trung bình yếu

Loại không đạt: F (dưới 4.0) Kém

Để được xếp loại D trở lên thì điểm thi kết thúc học phần không được dưới 3.00 (thang điểm 10).

- Về cách thức đánh giá kết quả học tập, các học phần trong chương trình đào tạo thực hiện đa dạng các hình thức đánh giá như vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm khách quan, bài tập lớn. Mục tiêu của việc đa dạng các hình thức đánh giá nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng, đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy cho người học.

